

KỂ CHUYỆN DANH NHÂN VIỆT NAM

LÊ MINH QUỐC

Tập 9

DANH NHÂN SỬ PHẠM



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

DANH NHÂN SỬ PHẠM

KỂ CHUYỆN DANH NHÂN VIỆT NAM



LÊ MINH QUỐC

DANH NHÂN SỬ PHẠM

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

HOAN NGHĨNH BẠN ĐỌC GÓP Ý PHÊ BÌNH
NHÀ XUẤT BẢN TRẺ
161b Lý Chính Thắng - Quận 3 - TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 9316211 - 8465595 - 8465596 - 9316289
Fax: 84.8.8437450
E-mail: nxbtre@hcm.vnn.vn
Website: <http://www.nxbtre.com.vn>

LỜI NÓI ĐẦU

Đất nước ta vốn có truyền thống hiếu học và tinh thần tôn sư trọng đạo. Bất cứ thời kỳ nào cũng có thầy giỏi và học trò giỏi.

Muốn sang thì bắc cầu kiều

Muốn con hay chữ thì yêu lấy thầy

Những bậc thầy ấy, Bác Hồ đã khẳng định: “là những anh hùng vô danh”. Những anh hùng vô danh ấy còn sống mãi trong niềm tự hào và lòng biết ơn của nhiều thế hệ học trò. Trí tuệ và nhân cách của thầy giáo ảnh hưởng sâu sắc đến cả một đời người. Dù được học nửa chữ hoặc một chữ thì ta vẫn tôn kính gọi đó là thầy. Đọc lại sử sách, chúng ta cảm động xiết bao trước những tấm gương kính trọng thầy thuở xưa. Đối với thầy Chu Văn An đời Trần thì dù học trò làm đến chức Hành khiển - tương đương chức Thượng thư - là Phạm Sư Mạnh, Lê Quát... thì khi đến thăm thầy cũng chỉ dám đứng hầu dưới đất, khi có lỗi thì cúi đầu nghe lời thầy quở trách. Đối với thầy Nguyễn Bỉnh Khiêm thời Lê - Mạc, Trịnh - Nguyễn, khi thầy qua đời thì học trò khắp nơi tề tựu đông đủ và làm văn khóc thầy trong nước mắt. Đối với thầy Nguyễn Thúc Tụ của đầu thế kỷ XX thì khi thầy còn sống, các học trò đã lập sinh phần và sinh từ để thờ thầy! Chao ôi! Tấm lòng tôn sư trọng đạo ấy nhiều lắm, kể không xiết mà thời nào cũng có - đều được sử sách ghi lại. Ai có thể cầm được nỗi xúc động khi đọc lại bài văn bia thờ thầy Vũ Tông Phan (1800-1851) do học trò là Thượng thư Nguyễn Tư Giản viết dưới thời Tự Đức: “Đến nay đã mấy mươi năm, nhiều người nhờ thầy mà

thành đạt. Ôn tác thành của tiên sinh bao la như nước hồ long lạnh, tựa khói trắng bàng bạc, vẫn y nguyên vậy. Ôi! Tiên sinh là bất hủ”, và “Bởi thế phải khắc vào bia đá để tỏ lòng ngưỡng mộ đạo cao đức trọng của thầy ta vậy”.

Với ý thức nhắc nhở thế hệ trẻ tinh thần tôn sư trọng đạo, nhà thơ Lê Minh Quốc đã thực hiện tập sách “Danh nhân sư phạm Việt Nam”. Ngoài những bậc thầy nêu trên, trong tập sách này còn đề cập đến thầy Võ Trường Toản - bậc thầy của đất Gia Định xưa, đã có công đào tạo nhiều nhân tài cho đất nước mà hiện nay tại TP.HCM đã có “Giải thưởng Võ Trường Toản” - nhằm ghi nhận công lao đóng góp to lớn của các nhà giáo với sự nghiệp trồng người. Thầy Ngô Bảo ở thế kỷ XVII, dù chỉ là người thi đậu khoa Thụ Toán năm 1698, nhưng có công đào tạo nhiều học trò viết chữ đẹp. Sau khi thầy mất, các môn sinh đã tạc bia thờ. Thầy Phạm Quý Thích, bậc thầy có công đào tạo nhiều nhân tài cho đất nước ở thế kỷ XVIII. Điều làm chúng ta ngạc nhiên cứ tưởng như chuyện cổ tích khi biết sau khi thầy mất, học trò của thầy có người dành nhiều thời gian để sưu tập thơ văn và viết lại hành trạng của thầy để thờ trong từ đường, để người đời sau hiểu rõ hơn về thầy mình. Ngoài sự nghiệp “trồng người” thầy Phạm Quý Thích còn là người để lại nhiều tác phẩm văn học có giá trị. Thầy Vũ Tông Phan - vốn là học trò của thầy Phạm Quý Thích - từng mở trường ở đất Thăng Long xưa. Bình sinh thầy có công dạy nhiều học trò giỏi. Sử còn chép, trong các khoa thi Hương, thi Hội sĩ tử xuất thân từ trường của thầy đều chiếm số lượng cao nhất. Tiếng lành đồn xa nên vua Tự Đức đã vời thầy vào triều và ban tặng tấm biển vàng có khắc bốn chữ “Đào thực hậu tiến” - nghĩa là có công dạy bảo lớp người sau. Thầy Bùi Dương Lịch ở thế kỷ XVIII là người có công đầu trong việc biên soạn sách giáo khoa dạy trẻ em. Do đó, không phải ngẫu nhiên mà khi thầy mất, Án sát Nguyễn Văn Siêu đã viết văn bia ca ngợi: “Hào quang tỏa sáng. Hương sách thơm hoài”. Thầy Phạm

Văn Nghị, người đã đào tạo nhiều nhân tài cho đất nước ở thế kỷ XIX, khi thấy mất Phó bảng Đỗ Huy Uyển đã viết: “Học trò của tiên sinh có đến hàng trăm, hàng nghìn, kể văn người vô đều tài cán, giỏi giang. Bậc hiền nhân quân tử đều khen, cũng chẳng phải nhiều lời mới rõ”.

Trong tập sách này còn viết về những nhà giáo lừng lẫy của trường Đông Kinh Nghĩa Thục như các thầy Lương Văn Can, Nguyễn Quyền... đã cùng các đồng chí của mình để tạo nên mô hình giáo dục mới từ năm 1907. Để giúp cho bạn đọc hiểu hơn về ảnh hưởng của trường, dù tồn tại trong thời gian ngắn nhưng đã lan rộng đến tận phương Nam, chúng tôi cũng đề cập đến nhà giáo Nguyễn An Khuong. Thầy là một trong những người đầu tiên biên soạn sách giáo khoa cho trẻ em ở Nam Kỳ đầu thế kỷ XX. Về phương pháp biên soạn của thầy, chúng tôi có mạo muội chủ quan ghi nhận là sau này khi biên soạn Quốc văn giáo khoa thư (do Nha học chính Đông Pháp XB) nhóm tác giả Trần Trọng Kim, Nguyễn Văn Ngọc, Đặng Đình Phúc và Đỗ Thận cũng biên soạn theo hướng của thầy. Nghĩa là bài tập đọc dành cho học sinh được viết ngắn gọn, dễ hiểu và mẫu chuyện trong sách thỉnh thoảng nhân vật có đối đáp qua lại để nêu rõ ý nghĩa giáo dục. Và không thể phủ nhận rằng những mẫu chuyện như thế đã ảnh hưởng sâu sắc đến nhiều thế hệ học sinh. Nhiều người đến nay đầu đã bạc mà vẫn còn nhớ những bài học Quốc văn giáo khoa thư là một minh chứng.

Kế tiếp là hình ảnh các thầy khác như thầy Nguyễn Hiệt Chi, một trong những nhà giáo tích cực tham gia phong trào Duy Tân đầu thế kỷ XX. Đáng chú ý nhất trong sự nghiệp giáo dục của thầy là biên soạn nhiều sách giáo khoa như **Sách mẹo** tiếng Nam, **Sách dạy** tiếng Nam, **Hán văn tân giáo pháp**, **Hán văn tân giáo khoa thư**... Ngoài ra, thầy còn cộng tác với các thầy Đoàn Danh Trì, Lê Thước biên soạn **Hán Việt tiện dụng từ điển**... GS Vũ Ngọc Khánh có nhận xét: “Lớp nhà nho cuối thế kỷ XIX sang

đầu thế kỷ XX có được một nhà giáo toàn diện, thực sự duy tân như Nguyễn Hiệt Chi, quả không nhiều lắm". Thầy Võ Liêm Sơn, người thầy dạy ở trường Quốc Học và là người cố vấn tin yêu của thế hệ học sinh những năm 20 của thế kỷ này trong các phong trào yêu nước. Đặc biệt, sau Cách mạng tháng Tám khi lên Việt Bắc, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tặng thầy bài thơ trong đó có những câu khẳng định tấm lòng của thầy là "Thờ dân tròn đạo hiếu. Thờ nước vẹn lòng trung". Thiết nghĩ, đó cũng chính là phẩm chất đạo đức của các nhà giáo Việt Nam trong nhiều thế kỷ qua - khi mà các thầy đã ra sức đào tạo nhiều nhân tài cho đất nước. Kế tiếp, chúng tôi viết về:

Với các thầy giáo xuất sắc trong nửa đầu thế kỷ XX, chúng tôi cũng không quên thầy Lê Văn Miến, người thầy có nhân cách lớn mà thuở học ở Trường Quốc học (Huế), Bác Hồ kính yêu của chúng ta từng thọ giáo với thầy. Thầy Bùi Kỳ, người đã viết văn bia ca ngợi kiệt tác Truyện Kiều của thi hào Nguyễn Du hiện còn dựng bên Hồ Hoàn Kiếm (Hà Nội) và thầy cũng là người cộng tác với thầy Trần Trọng Kim hiệu khảo Truyện Thúy Kiều rất công phu, có giá trị học thuật. Bên cạnh đó, chúng tôi còn giới thiệu thầy Lê Thước - người đã cùng thầy Nguyễn Hiệt Chi biên soạn sách giáo khoa Hán văn tân giáo thư dạy học trò thuở ấy. Ngoài một đời giảng dạy, thầy còn là nhà nghiên cứu- giúp thế hệ sau có điều kiện tiếp cận với di sản Hán Nôm do tiền nhân để lại, và thầy cũng để lại cho đời nhiều bộ sách hữu ích như Truyện cụ Nguyễn Du, Sự nghiệp và thi văn của Uy Viễn tướng công Nguyễn Công Trứ...

Có thể nói, nhân cách của người thầy có ảnh hưởng sâu sắc đến các thế hệ học trò. Thật thú vị, khi chúng ta biết thầy Nguyễn Lâm đã từng là học trò của thầy Bùi Kỳ, Dương Quảng Hàm... lúc theo học ở trường Bưởi (nay là trường Chu Văn An). Với thầy Nguyễn Lâm, chúng ta cảm nhận được lòng yêu tiếng Việt của thầy qua những tác phẩm như Thành ngữ và tục ngữ Việt

Nam, Từ điển từ và ngữ Việt Nam... Ngay trong thời kháng chiến chống Pháp, dù giảng dạy trong điều kiện khó khăn, thiếu thốn, bận rộn với nhiệm vụ là Giám đốc Giáo dục Liên khu 10 nhưng thầy vẫn dành tâm trí để biên soạn quyển Muốn viết đúng chính tả và được Bác Hồ khen “Một giám đốc có tài”. Chúng tôi cũng đề cập đến thầy Phạm Thiều, người cùng thời với các thầy Đặng Thái Mai, Tôn Quang Phiệt... ngay từ thời đi học đã có chí hướng yêu nước. Là một nhà giáo sống thanh bạch, liêm khiết nên thầy được nhiều thế hệ học trò kính mến và noi theo gương thầy. Những ngày cuối đời, thầy vẫn sống mẫu mực với phong cách một nhà sư phạm. Kết thúc tập sách này, chúng tôi viết về thầy Phan Ngọc Hiển, người thầy đã dạy học ở Cà Mau, đã từng viết báo bênh vực người nghèo. Thầy cũng là người lãnh đạo cuộc khởi nghĩa Hòn Khoai (Cà Mau) vào ngày 13/12/1940. Hành động can trường của thầy Phan Ngọc Hiển khiến ta lại nhớ đến hình ảnh của thầy Phạm Văn Nghị ở cuối thế kỷ XIX. Đó là những người thầy không dạy suông trên lý thuyết mà đã thật sự dấn thân vào cuộc kháng chiến như tiền nhân. Hiện nay, tên thầy được đặt cho một huyện cực Nam nước ta tại tỉnh Cà Mau, tức huyện Ngọc Hiển.

Trong quá trình biên soạn, ngoài tài liệu đã tham khảo rõ ràng, có chứng cứ rõ rệt chúng tôi còn sử dụng thêm nhiều hình ảnh để tập sách phong phú hơn. Ở đây, ngoài ảnh tư liệu, chúng tôi còn sử dụng thêm tranh khắc kẽm của trường Bác cổ Viễn đông, tranh minh họa trong sách giáo khoa thư đầu thế kỷ XX. Làm như thế, chúng tôi mong muốn bạn đọc có thể dễ hình dung ra hình ảnh người thầy, người học trò thuở xưa.

Do khuôn khổ có hạn nên các bậc thầy khác, chúng tôi xin được tiếp tục giới thiệu trong tập sách sau. Nhân đây, xin được nhắc lại, các tập sách Danh nhân khoa học, Những nhà chính trị, Danh nhân quân sự, Các vị tổ ngành nghề, Danh nhân sư phạm, Các vị nữ danh nhân, Những nhà cải cách, Danh nhân

cách mạng, Những người Việt Nam đi tiên phong, Danh nhân văn hóa là trong bộ sách nhiều tập KỂ CHUYỆN DANH NHÂN VIỆT NAM do nhà thơ Lê Minh Quốc biên soạn, vẫn được tiếp tục xuất bản theo yêu cầu của độc giả. Điều này cho thấy bạn đọc trẻ ngày nay vẫn quan tâm đến nhân vật và sự kiện của lịch sử nước nhà. Để bộ sách thật sự hữu ích cho bạn đọc - nhất là các bạn thanh thiếu niên - chúng tôi rất mong được sự chỉ giáo, giúp đỡ chân tình của các học giả uyên bác, của các nhà sử học và của các bạn đọc xa gần để bộ sách này ngày một hoàn hảo hơn. Trước hết xin quý độc giả ghi nhận nơi đây sự biết ơn sâu xa của chúng tôi.

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

CHU VĂN AN

*Ngôi sao Bắc đẩu
của nền giáo dục đời Trần*

Tiếng chim hót trong nắng sớm. Những vòm tre nghiêng mình lá loi trong gió. Ngôi trường ở cạnh đầm thôn Cung Hoàng đã đông đủ học trò. Những tiếng học bài vang lên. Thầy Chu Văn An âu yếm nhìn các môn sinh, cặp mắt của thầy dừng lại ở cậu học trò lúc nào cũng có mặt sớm nhất. Cậu ấy, gương mặt phương phi, trắng trẻo, môi đỏ như son. Lạ thật, mặc dù siêng năng, học giỏi, nhưng dường như cậu học trò này không thân với ai cả. Cậu ấy không phải người

làng này chăng? Có lần, thầy cho người ngầm theo dõi lúc tan trường, nhưng cứ thấy cậu ta hể đi đến đầm Cung Hoàng thì biến mất. Hôm nay, thầy An không vui. Dù mới sớm mai nhưng khí trời đã oi bức.



Tượng thầy Chu Văn An (1292-1370)

Chao ôi! Hạn hán kéo dài như thế này thì dân tình làm sao sống nổi? Thầy khê thở dài. Thời gian chậm rãi trôi qua. Sau khi các môn sinh đã ra về, nhưng thầy vẫn ngồi yên, nét mặt đăm chiêu, tư lự. Thấy thầy hôm nay kém vui, cậu học trò đã bước đến gần thầy, vòng tay và cúi đầu thưa:

- Thưa thầy, thầy đang có điều gì lo lắng? Con có thể giúp được gì cho thầy?

Thầy An giật mình:

- A! Sao giờ này con chưa về? Thầy còn nhiều điều phải suy nghĩ.

- Xin thầy cứ nói. Con sẽ tìm cách giúp thầy.

Thầy An không nhìn cậu học trò mà như đang nói với chính mình:

- Thiên tai khi nắng, khi lụt, số trời không biết đâu mà nói. Nhưng mắt ta trông thấy dân tình tiều tụy, người có lòng nhân há nào không đau xót?

Cậu học trò cung kính đáp:

- Bẩm thầy, con từng nghe nói rằng nắng mưa là chuyện của Trời, làm sao có thể hiểu ý Trời như thế nào được. Nhưng vì ơn thầy, con xin giúp thầy.

Nói xong, cậu học trò cúi đầu chào thầy và ra về. Đêm ấy, trời tối đen, cậu học trò bước ra sân mài mực. Sau đó, cậu hòa với nước rồi hắt tung nghiền mực lên trời. Một lát sau, mây đen kéo đến, sấm sét dữ dội. Từ trên trời cao, nước đổ xuống như thác. Bao nhiêu ngày ngóng đợi, được cơn mưa như trút nước xuống, dân tình lấy làm hả hê lắm.

Sáng mai, ngôi trường của thầy An đông đủ và nhộn nhịp hơn. Cây cỏ mơn mớn. Ai bước vào lớp học cũng thấy tâm hồn mình thư thái. Thầy An quan sát các môn sinh thì không thấy cậu học trò hôm qua. Thầy bèn cho người chạy đến đầm Cung Hoàng để dò hỏi. Lát sau, người đó quay về thưa với thầy là thấy con thường luồng to lớn khác thường nằm chết trong đầm. Lúc đó, thầy An mới biết cậu học trò kia chính là con trai của Long Vương, vì làm mưa mà bị tội phải

chết. Thầy khóc thảm thiết, cho vớt xác và chôn bên bờ sông Nhuệ... Đó là huyền thoại lưu truyền trong dân gian về một bậc thầy nổi tiếng trong lịch sử nước ta: thầy Chu Văn An. Nếu tước bỏ đi những chi tiết huyền hoặc thì ta thấy được cốt lõi của truyền thuyết này: thầy Chu Văn An bằng đức độ của mình đã cảm hóa được mọi người.

Thầy Chu Văn An sinh ngày 25 tháng 8 năm Nhâm Thìn (1292) dưới thời vua Trần Anh Tông, tại xã Quang Liệt (nay là xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì, Hà Nội). Thuở nhỏ, thầy sống với mẹ, được mẹ chăm nom cho ăn học và nổi tiếng thần đồng. Súc học của thầy thì không ai theo kịp, người đương thời nhận xét: “Chu Văn An, hiệu Tiều Ẩn, tính liêm khiết, cứng cỏi, ở nhà thường ham thích đọc sách, học vấn tinh thông, tiếng tăm lừng lẫy xa gần”. Dù vậy, thầy không tiến thân bằng con đường khoa cử mà ở nhà mở trường dạy học. Thầy không phân biệt học trò giàu, nghèo mà đều áp dụng một quy chế học tập như nhau. Theo chương trình thi cử dưới triều nhà Trần từ đời vua Trần Anh Tông thì thí sinh đều phải trải qua bốn kỳ - đỗ kỳ trước mới được vào thi kỳ sau. Đỗ cả bốn kỳ thì mới đạt danh hiệu Thái học sinh - tức Tiến sĩ sau này. Thứ tự của bốn kỳ với các thể loại bài thi: kỳ thứ 1 thi *ám tả*, kỳ thứ 2 thi *kinh nghĩa, thơ, phú*, kỳ thứ 3 thi *chiếu, chế, biểu*, kỳ thứ 4 thi *văn sách* ⁽¹⁾. Thầy An không chỉ dạy cho học trò đúng với chương trình thi cử mà còn mở rộng nghĩa sách. Do đó, học trò các nơi kéo về học rất đông. Khoa thi năm 1314, hai học trò của thầy là Phạm Sư Mạnh và Lê Quát đã đỗ Thái học sinh gây tiếng vang lớn trong giới sĩ tử. Cùng với các trường Quốc lập thì trường Cung Hoàng của thầy An đã góp phần không nhỏ trong việc đào tạo nhân tài. Nói như vậy, vì lúc bấy giờ ở nước ta trường học chưa nhiều. Từ năm 1070, vua Lý Thánh Tông mới dựng Văn Miếu -

⁽¹⁾ *Ám tả*: là bài thi sinh nghe đọc rồi viết đúng chữ.

Kinh nghĩa: bao gồm sách Tứ thư, Ngũ kinh. Thí sinh làm một bài văn giải thích ý nghĩa một câu trích trong kinh truyện, phải làm theo lối biên văn.

Chiếu: lời vua ban bố hiệu lệnh cho toàn dân.

Chế: lời vua ban thưởng cho công thần.

Biểu: bài văn của thần dân dâng lên vua để chúc mừng, tạ ơn hay bày tỏ điều gì.

Văn sách: là bài văn làm để trả lời những câu hỏi của đầu bài để tỏ kiến thức và mưu hoạch của mình.

thờ Chu Công, Khổng Tử, Nhan Tử, Tăng Tử, Tử Tư, Mạnh Tử và 72 vị tiên hiền là học trò giỏi của Khổng Tử. Rồi sáu năm sau (1076) vua Lý Nhân Tông mới cho xây dựng Quốc Tử Giám và 166 năm sau (1236) nhà Trần mới đổi lại là Quốc tử viện. Năm 1281 nhà Trần mới mở thêm nhà học ở phủ Thiên Trường. Các trường này chủ yếu dành cho con em quan văn vào học. Ngoài ra ở Yên Tử (Quảng Ninh), Hương Sơn (Hà Tây)... cũng có trường nhưng chủ yếu dành cho các sư sãi. Có lẽ, thấy được điều này nên thầy Chu Văn An đã mở trường để dạy cho con em nhân dân lao động. Điều này thật đáng quý biết bao. Thời gian này, thầy đã hết lòng dạy dỗ học trò mình. Thầy từng dạy: Phàm học hành thành đạt cho mình là để thành đạt cho người, công đức tới đâu, ân huệ để lại cho đời sau, đấy đều là phận sự của nhà Nho. Từ đời nhà Lý đến đời Trần, đạo Phật chiếm vị trí độc tôn, sử cũ còn ghi: “Những người thông minh tài giỏi đều do phái Thích giáo lựa chọn và cất nhắc”. Nhưng cuối đời Trần, Phật giáo bắt đầu suy và Nho giáo bắt đầu thịnh. Năm 1304, vua Trần Anh Tông ra lệnh bỏ thi Phật giáo, Đạo giáo thì trường Cung Hoàng của thầy An càng có ý nghĩa tích cực. Nhờ vậy, tiếng tăm của thầy ngày càng lan truyền sâu rộng trong cả nước. Sau này khi biên soạn *Lịch triều hiến chương loại chí*, Phan Huy Chú viết: “Học nghiệp thuần túy, tiết tháo cao thượng, làng Nho nước Việt, trước sau chỉ có một Chu Văn An, các ông khác không thể nào sánh được!”.

Tiếng tăm và uy tín của thầy vang dội đến tận kinh đô, do đó, năm 1325 vua Trần Minh Tông đã vời thầy vào cung dạy cho Thái tử (sau này là vua Trần Hiến Tông). Trong thời gian giữ chức Tư nghiệp trường Quốc tử giám và dạy học, thầy đã soạn tác phẩm *Tứ thư thuyết ước*, gồm mười quyển, đời sau ghi nhận đây là sách giáo khoa giảng dạy Nho giáo do người Việt Nam biên soạn. Trong đó, thầy nêu bật chân lý “sùng chính tị tà” là tôn trọng điều ngay thẳng và xua đuổi những điều sai lầm - bằng cách tóm lược tinh túy của bốn tập sách *Luận ngữ*, *Mạnh tử*, *Đại học*, *Trung dung* để sử dụng vào việc giảng dạy. Năm 1329 vua Trần Minh Tông nhường ngôi cho Trần Hiến Tông. Tiếc rằng thầy mất bao công lao dạy dỗ mà ông vua này mất sớm,



Nơi thờ thầy Chu Văn An tại Văn Miếu (Hà Nội)

chỉ mới 23 tuổi, nên Trần Dụ Tông lên ngôi. Triều nhà Trần bắt đầu suy thoái, chính sự bắt đầu nhiễu nhương. Là một thầy giáo tiết tháo, không cúi đầu trước bọn gian thần lộng quyền làm những điều phi pháp hại dân hại nước, thầy An đã dâng lên vua “Thất trảm sớ” đề nghị chém đầu 7 gian thần sâu mọt! Ý kiến của thầy về sau sử sách đánh giá là “làm rung động cả quỹ thần”. Thái độ dũng cảm này được các trung thần ủng hộ và khâm phục. Rất tiếc, vua Trần Dụ Tông vì mê muội trong tử sắc và những lời nịnh hót nên không nghe theo những lời chính đạo. Không còn cách nào khác, thầy cởi mũ áo, từ quan để lui về ở ẩn.

Thầy Chu Văn An về núi Phụng Hoàng (Chí Linh, Hải Dương) để xa lánh những nhiễu nhương của thời cuộc. Thầy lấy hiệu là Tiều Ẩn. Thời gian này thầy làm nhiều thơ để nói lên tâm sự của mình, tựa là *Tiều Ẩn thi tập* và *Quốc ngữ thi tập*. Với hai tác phẩm này, Phan Huy Chú nhận xét: “Thi cực thanh sáng u dật, nhàn nhã tự tại”. Dù ở ẩn, nhưng tấm lòng của thầy vẫn không nguôi ngoai trước thế sự, không nhắm mắt làm ngơ trước đảo điên của thời cuộc. Để đào tạo

nhân tài cho đất nước, thầy lại mở trường dạy nhân dân quanh vùng và lấy đó làm niềm vui:

*Nhấp nhô sen nước xa mùi tục,
Ngay thẳng măng đồng át giậu tre.
Lặng dựa cành ngô người tựa biếng,
Gió đâu giờ sách, ý khôn dè.*

(Đầu mùa hạ - Đinh Văn Cháp dịch)

Khi thầy ở ẩn, vua Trần Dụ Tông có lúc tỉnh ngộ và lấy làm nuối tiếc, nhiều lần ép thầy trở lại làm quan nhưng thầy đã khéo léo từ chối. Biết quyền lực và danh vọng không thể khuất phục được thầy, bà Hiếu từ thái hậu khuyên vua:

- Người ấy là bậc cao hiền, thái tử không bắt làm bầy tôi được, nữa là chực đem chính sự ép người ta sao được!



Thầy Chu Văn An qua tranh vẽ của họa sĩ Phạm Công Thành

Vua không nghe, sai đem áo mũ ban cho thầy, thầy nhận lấy nhưng đem cho người khác. Ai cũng khen thầy là người cương trực thanh cao. Sau khi vua Trần Dụ Tông băng hà, vua Trần Nghệ Tông dẹp được Nhật Lễ và lên ngôi. Dù tuổi đã cao, thầy vẫn chống gậy về kinh chúc mừng vua mới. Trần Nghệ Tông lại vời thầy ra làm quan nhưng thầy vẫn từ chối.

Dù thầy ở ẩn, vui với “Gió trắng nửa gối, việc đời nhẹ tênh”, nhưng các học



Đền thờ thầy Chu Văn An tại Hải Dương

trò cũ vẫn không quên tìm về thăm thầy. Những quan chức cao trọng như Phạm Sư Mạnh, Lê Quát... khi đến với thầy vẫn cúi đầu lạy dưới giường và không dám ngồi chung chiếu trò chuyện với thầy. Những người này khi đến thăm thầy thường kín đáo để lại lụa vóc, thời trân... ngầm tặng thầy. Khi biết được, thầy thường sai tiểu đồng đem tặng lại cho những người thiếu thốn, chứ không giữ lại một thứ gì cả.

Ngày 26/11 năm Canh tuất (1370) thầy Chu Văn An trút hơi thở cuối cùng - thọ 79 xuân. Vua Trần Nghệ Tông thương tiếc ban cho tên thụy là Văn Trinh Công, hiệu Khang Tiết tiên sinh và đưa thờ ở Văn Miếu ngang hàng với các bậc tiên nho. Đánh giá về công đức của thầy, sử thần Ngô Sĩ Liên viết: “Đấy là bậc tôn sư của Nho gia nước Việt Nam ta”. Nhà bác học Lê Quý Đôn viết: “Chu Văn An dưng số chém bọn nịnh thần, làm rung chuyển cả trong triều, ngoài quận, rồi cáo quan, trả mũ áo về nhà, không nhận tước lộc bó buộc, vua phải tôn trọng, công khanh phải kính phục. Đấy là bậc thanh cao nhất”. Nhà thơ Cao Bá Quát có thơ *Vịnh Chu An* (bản dịch Vũ Mộng Hùng):



Bái tổ vinh quy theo tranh dân gian

*Tiết cứng, lòng trong khí phách hùng,
Một tay muốn kéo lại vàng hồng.
Cô trung sấm sét không chồn chí,
Thất trăm yêu ma phải rợn lòng.
Trời đất soi chung vàng hạo khí,
Nước non còn mãi nếp cao phong.
Suối rừng ở ẩn nay đâu tá?
Văn Miếu còn tên, hương khói nồng!*

Hiện nay, tại quê nhà vẫn còn đền thờ thầy, trong đó có câu đối
nôm nêu bật công đức:

*Thất trăm só còn thom, gương sử thẹn cho tuồng mại quốc;
Lục kinh tro chữa nguội, biển hoành treo mãi chốn danh
hương.*

NGUYỄN BÌNH KHIÊM

Bậc thầy của thế kỷ XVI

Trên hành tre cong cong, chim chích chòe hót vang rồi vỗ cánh bay vút vào vòm trời xanh biếc. Trước sân ngôi nhà nhỏ ở làng Trung Am (Hải Phòng) có hai cha con đang ngồi chơi đùa. Người mẹ vừa le te cắp rổ đi chợ. Người cha vừa kéo đàn vừa hát cho một đứa trẻ mới lên tám nhưng trông rất thông minh, đỉnh ngộ. Giọng ông nhịp theo tiếng đàn:

- Nguyệt treo cung, nguyệt treo cung...

Không ngờ lúc ông nhắm mắt lim dim thưởng thức câu hát của mình thì cậu bé buột miệng hát theo:

- Vịn tay tiên, nhẹ nhẹ rung.

Người cha hết sức ngạc nhiên và thích thú. Khi vợ đi chợ về ông kể lại cho bà nghe và khen con hết lời. Nào ngờ vợ ông quắc mắt, giận dữ:



*Tượng thầy Nguyễn Bình Khiêm (1491-1585)
tại Hải Phòng*

- Hay ho gì chuyện ấy! Nguyệt biểu tượng cho bầu trời, sao lại nêu ra cho con? Nuôi con thì dạy nó thành vua chúa, chứ ai lại mong nó thành tôi tớ?

Rồi một lần khác, khi đùa chơi với con, bà mẹ đã dạy con câu hát:

- Bống bống bang bang, ngày mai con lớn con tựa ngai vàng!

Người cha nghe câu hát ấy sợ quá vì triều đình biết được thì đứt đầu như chơi! Ông bèn sửa lại:

- Bống bống bang bang, ngày sau con lớn con vịn ngai vàng!

Thấy chồng sửa lại như vậy, bà vợ bực mình lắm. Sau đó bà bỏ về quê nhà, đi ngao du sơn thủy và nghiên cứu phong thủy. Cậu bé thông minh này về sau là một nhân vật lừng lẫy trong thế kỷ XVI. Đó là Nguyễn Bình Khiêm. Thầy sinh ngày mồng 6 tháng 4 năm Tân Hợi (1491) tại làng Trung Am, huyện Vĩnh Lại (nay huyện Vĩnh Bảo - Hải Phòng), còn có tên khác là Văn Đạt, hiệu Hanh Phủ. Cha thầy là cụ Văn Định, học giỏi, làm đến chức Thái Bảo Nghiêm Quận công. Mẹ là cụ bà Nhữ Thị Thục cũng là người có học vấn uyên bác. Ngay từ nhỏ, Nguyễn Bình Khiêm đã được mẹ dạy làm thơ quốc âm, đem Tứ thư, Ngũ kinh ra giải nghĩa cho, Khiêm học đến đâu nhớ đến đó. Mẹ Khiêm rất kỳ vọng vào con mình, vì thế bà hết sức giận khi thấy chồng không cùng một chí hướng. Sau khi mẹ bỏ về quê nhà vì mâu thuẫn với cha, Nguyễn Bình Khiêm theo học với thầy Dương Đức Nhan - quan Hộ bộ thượng thư về hưu. Sau nghe tiếng thầy Bảng nhãn Lương Đắc Bằng là người uyên thông, văn chương tốt vời nhất trong thiên hạ, Nguyễn Bình Khiêm lại lặn lội theo học. Tương truyền khi Lương Đắc Bằng đi sứ sang Trung Quốc thì được con cháu của Lương Nhữ Hộc sống lưu lạc ở Yên Kinh cho bộ sách quý - bộ *Thái Ất thần kinh*, tức *Thái Huyền Kinh*. Nguyễn Bình Khiêm may mắn được thầy truyền cho bộ sách này. Tuy học giỏi nhưng Nguyễn Bình Khiêm không đi thi. Lúc bấy giờ, nhà Lê suy đốn và bị nhà Mạc cướp ngôi, thời thế rối ren, nhân dân cực khổ muôn phần, Nguyễn Bình Khiêm trút tâm sự qua những bài thơ như: